

**VÀI NÉT VỀ THỰC HÀNH TÔN GIÁO TRONG GIA ĐÌNH
TÔN GIÁO Ở VIỆT NAM**
(Phần cuối)

Về mục đích đi lễ, tức muốn tìm xem hành vi thực hành tín ngưỡng, tôn giáo giữa các loại hình hoạt động xem có gì khác biệt. Kết quả khảo sát cho thấy, nhìn chung, gia đình tôn giáo có một sự gắn kết mạnh mẽ hơn với đối tượng thiêng của người đi lễ ở hầu hết các chỉ báo so với gia đình “tôn giáo truyền thống”. Trong đó hành vi đi lễ để bày tỏ niềm tin và đi lễ để tìm kiếm sự che chở của Đấng Thiêng có tỷ lệ cao nhất. Ở hai chỉ báo của mục đích đi lễ là: để cầu cho công việc làm ăn thuận lợi và chỉ báo đi lễ nhằm kết nối giữa các thành viên trong gia đình, dòng họ cộng đồng cho thấy: các gia đình tôn giáo tuy có tỷ lệ lớn hơn gia đình “tôn giáo truyền thống” nhưng không quá cách xa.

Bảng tương quan giữa mục đích thực hiện hoạt động tôn giáo và loại hình gia đình

	Gia đình tôn giáo truyền thống (%)	Gia đình tôn giáo (%)
Để bày tỏ niềm tin	75.5	83.9
Để liên hệ với đấng thiêng	49.7	60.6
Để tìm kiếm sự che chở của đấng thiêng	63.2	72.7
Để thể hiện mong muốn cá nhân sau khi chết	45.3	53.0
Để cầu cho công việc làm ăn được thuận lợi	56.3	54.4
Để chữa bệnh	40.6	45.4
Để duy trì truyền thống văn hóa của gia đình/gia tộc/cộng đồng	49.5	52.0

* Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Để tìm kiếm tư vấn, góp ý, lời khuyên	23.9	32.5
Để tham gia các sinh hoạt tập thể,	37.4	40.4
Tạo sự kết nối giữa các thành viên trong gia đình, dòng họ, cộng đồng	39.2	37.9

Về các địa điểm được chọn để thực hành tôn giáo cũng có sự khác nhau: Với các gia đình “tôn giáo truyền thống”, họ chọn đến chùa nhiều nhất, sau đó là đình, đền, quán, miếu, phủ. Trong số 115 người theo “tôn giáo truyền thống” trả lời đã từng tổ chức cho gia đình đi lễ tại các cơ sở tôn giáo thì 93/115 (80,9%) chọn đi chùa, 62/115 (53,9%) chọn đình, đền, quán, miếu, phủ, nhà thờ họ, 15/115 (13%) chọn các địa điểm khác, như: nhà thờ, thánh thất, thánh đường Islam giáo¹. Ngược lại, đối với các gia đình tôn giáo, họ ưu tiên cho việc chọn đi lễ tại cơ sở của chính tôn giáo mình, tỷ lệ tham gia đi lễ ở các cơ sở tôn giáo ngoài tôn giáo của họ rất thấp. Riêng trường hợp đạo Tin Lành và Islam giáo không có người nào trả lời đã chọn địa điểm cho gia đình mình đi lễ là đền, quán, đình, miếu, phủ. Điều này phản ánh một thực trạng là: nhóm gia đình hoạt động đơn tôn giáo tương đối thống nhất và tập trung về loại hình các địa điểm sinh hoạt tôn giáo cho gia đình mình ở bên ngoài. Điều này cũng do giáo lý của một số tôn giáo quy định, như trường hợp của đạo Tin Lành, Công giáo, Islam giáo, tín đồ tuyên xưng chỉ tôn thờ một Đấng Thiêng duy nhất. Mọi hoạt động của người Tin Lành trọng việc tham gia lễ lạy nơi đền, chùa, miếu, phủ, đều được xem là mê tín dị đoan, đi với quỷ thần, trái với giáo lý của đạo Tin Lành.

Với các gia đình “tôn giáo truyền thống” có thể sở hữu cùng lúc nhiều niềm tin với nhiều đối tượng thiêng khác nhau, do đó họ chọn nhiều địa điểm đi lễ, thực hành tôn giáo. Tuy nhiên, kết quả khảo sát cũng chỉ ra rằng, bản thân các gia đình tôn giáo cũng có sự khác nhau giữa việc lựa chọn địa điểm đi lễ. Nếu như tín đồ các tôn giáo nhất thần, như: Công giáo, đạo Tin Lành, Islam giáo, trung thành với các cơ sở của tôn giáo mình, thì với trường hợp Phật giáo lại có tới hơn 26,5% người được hỏi chọn các địa điểm cho gia đình đi lễ là đình, đền, miếu, phủ. Như vậy, qua việc chọn các địa điểm đi lễ, rõ ràng có

sự tương đồng và gần gũi hơn giữa “tôn giáo truyền thống” với Phật giáo và ngược lại.

Liệu có sự khác biệt nào trong luân lý tôn giáo giữa hai loại hình gia đình kể trên? Chúng ta đều biết ứng xử của con người với đối tượng thiêng được xem như là một thực hành luân lý tôn giáo. Chẳng hạn, lập trường của Giáo hội Công giáo, Tin Lành đều thừa nhận có một giá trị chân lý khách thể tuyệt đối chi phối và tác động tới các hoạt động của con người, đó chính là Thiên Chúa. Do đó hằng tuần họ phải dành riêng một ngày để tôn vinh, cầu nguyện, ca ngợi Thiên Chúa. Đối với các gia đình “tôn giáo truyền thống”, họ không tuyên xưng niềm tin vào một Đấng Thiêng duy nhất như trường hợp những gia đình tôn giáo. Điều đó cũng có nghĩa là các thực hành tôn giáo của họ không bị bó buộc vào những khuôn mẫu có tính chất ràng buộc. Chẳng hạn, trong một nhóm nhiều người cùng đến lễ một vị thần nào đó. Nhưng rõ ràng cử chỉ và hành vi có những khác biệt giữa các cá nhân cho dù cùng một mục đích bày tỏ niềm tin với Đấng Thiêng. Điều này khác với các gia đình tôn giáo, luân lý được quy chuẩn thành luật và cử chỉ thống nhất rõ ràng. Bởi vậy việc thực hành luân lý trong gia đình “tôn giáo truyền thống” có tính chất cởi mở hơn, đa dạng hơn gia đình tôn giáo. Giống như vào Mùa Chay của người Công giáo, Giáo hội quy định riêng cho toàn thể tín đồ những ngày phải giữ chay, nhưng ngược lại với những gia đình “tôn giáo truyền thống”, họ có thể kiêng một số loại thức ăn vào những ngày lễ của Phật giáo, tuy nhiên không có một quy ước nào chung cho mọi gia đình cả.

Nhận định của các tín đồ được hỏi về nguyên nhân làm các hoạt động tôn giáo gần đây tăng lên hoặc giảm đi có hai xu hướng trả lời. Với xu hướng thừa nhận có sự gia tăng hoạt động tôn giáo, một số thuộc gia đình tôn giáo và gia đình “tôn giáo truyền thống” đều thống nhất khá cao về việc các sinh hoạt tôn giáo gia tăng trong khoảng 10 năm gần đây là do niềm tin cá nhân vào cái thiêng gia tăng. Một trong những lý do cũng được một số gia đình thống nhất cao nữa là *phú quý sinh lễ nghĩa*. Cả hai loại gia đình đều không có nhiều ý kiến cho rằng việc gia tăng các hoạt động tôn giáo là để điều chỉnh cá nhân, hoặc làm theo phong trào của các gia đình khác, hoặc do may rủi...².

Với xu hướng thừa nhận có sự suy giảm trong hoạt động tôn giáo của các gia đình hiện nay, có rất ít người thuộc các gia đình “tôn giáo truyền thống” và gia đình tôn giáo cùng thừa nhận thực trạng này, tức họ không có ý kiến, hoặc đều đồng ý rằng nó tăng chứ không giảm. Với những người có quan điểm cho rằng có giảm, một số thống nhất cao nguyên nhân là do cuộc sống bận rộn không có thời gian cho thực hành tôn giáo. Các nguyên nhân khác, như: có nhiều cách bày tỏ niềm tin, nhiều hình thức khác hoạt động hấp dẫn hơn, lớp trẻ ít quan tâm... hầu như không được xem là nguyên nhân dẫn đến suy giảm³.

Như vậy, các sinh hoạt, thực hành tín ngưỡng, tôn giáo trong những năm gần đây, theo nhận quan của những người trả lời trong mẫu khảo sát ở cả hai dạng gia đình tôn giáo và gia đình “tôn giáo truyền thống” đều thừa nhận sự gia tăng của các sinh hoạt tôn giáo nói chung. Điều này cho thấy một thực tế là trong bối cảnh càng hiện đại, tôn giáo vẫn là một phần quan trọng của cuộc sống mỗi gia đình và cũng cho thấy môi trường pháp lý của Nhà nước cũng như nguồn lực của chính các tôn giáo đã có nhiều biến chuyển đáng kể, tạo ra một diện mạo mới trong hoạt động của các tổ chức tôn giáo nói chung và sinh hoạt tôn giáo của các gia đình nói riêng. Một số ý kiến khác cũng nhận định về hiện trạng tôn giáo Việt Nam là đang thức tỉnh và có sự trỗi dậy mạnh mẽ các hoạt động, trong đó có các thực hành tôn giáo⁴.

Đánh giá về vị trí của tôn giáo với các quyết định quan trọng thường nhật của đời sống, kết quả khảo sát xã hội học của đề tài cho thấy có sự chênh lệch khá lớn giữa các gia đình tôn giáo và gia đình “tôn giáo truyền thống”. Ở đây 4 chỉ báo được đo gồm: *xem tuổi*, *xem ngày giờ*, *hỏi ý kiến chức sắc tôn giáo*, *làm lễ tại nhà* được rất nhiều gia đình thuộc loại hình gia đình “tôn giáo truyền thống” thực hiện, trong khi rất ít các gia đình tôn giáo chọn lựa các hình thức này khi quyết định các việc trọng đại⁵. Điều này cho thấy các gia đình tôn giáo có một sự trông cậy vững chắc vào Đấng Thiêng của họ trong một số hoạt động thường nhật, chẳng hạn với người Công giáo có niềm sâu sắc, họ tin rằng mọi hoạt động của họ đã có Chúa quan phòng (lo liệu). Và họ chọn cầu nguyện sự ban ơn bảo hộ của Chúa Thánh Thần thay vì đi xem tuổi, xem ngày. Mặt khác, như trên đã phân tích, khi họ

đã tuyên xưng niềm tin vào Thiên Chúa thì họ phải đặt tin tưởng vào Ngài, và các hành vi như xem tuổi, xem ngày đều phạm vào những ràng buộc luân lý của tôn giáo họ.

Với các gia đình “tôn giáo truyền thống”, dường như họ muốn tiên liệu về tương lai, hay nói cách khác họ muốn một sự bảo trợ của một yếu tố tâm linh, tôn giáo nào đó cho các hành động trần tục có tính chất quan trọng trong vòng đời, như cưới hỏi, xây nhà, mua xe,... Có thể với những cá nhân thuộc loại hình gia đình này, các Đấng Thiêng mà họ vẫn trông cậy chưa tạo cho họ một điểm tựa đủ mạnh, bởi vậy các hoạt động như xem tuổi, xem ngày giờ được đặc biệt chú trọng. Cũng có thể việc tồn tại song song một lúc nhiều niềm tin tôn giáo trong một gia đình mà những niềm tin đó không bị ràng buộc vào một luân lý tôn giáo có tính thiết chế mạnh mẽ sẽ tạo cho nhóm này những hành vi như xem bói, xem tuổi, xem ngày giờ,... Điều này cho thấy tôn giáo ngoài chức năng xã hội như gắn kết cộng đồng, khóa lấp nhu cầu tâm linh thì còn có chức năng bảo đảm an ninh tinh thần đối với nhiều gia đình. Dưới đây là các bảng tham chiếu:

Hành vi tôn giáo khi chuẩn bị mua nhà/ đất/ xe cộ (%)

Hành vi	Gia đình tôn giáo truyền thống	Gia đình tôn giáo
Xem tuổi	46.2	7.6
Xem ngày giờ	52.1	8.6
Hỏi ý kiến chức sắc tôn giáo	31.3	8.5
Làm lễ tại nhà/cơ sở tôn giáo	26.0	22.5
Không thực hiện	33.3	65.8

Hành vi tôn giáo khi chuẩn bị động thổ xây nhà/ khai trương cửa hàng (%)

Hành vi	Gia đình tôn giáo truyền thống	Gia đình tôn giáo
Xem tuổi	55.1	9.0
Xem ngày giờ	63.0	9.9
Hỏi ý kiến chức sắc tôn giáo	26.8	10.3

Làm lễ tại nhà/cơ sở tôn giáo	34.7	25.1
Không thực hiện	23.1	61.6

Hành vi tôn giáo khi chuẩn bị đi làm ăn xa (%)

Hành vi	Gia đình tôn giáo truyền thống	Gia đình tôn giáo
Xem tuổi	22.4	4.3
Xem ngày giờ	27.4	4.9
Hỏi ý kiến chức sắc tôn giáo	13.2	6.4
Làm lễ tại nhà/ cơ sở tôn giáo	21.6	18.6
Không thực hiện	52.2	73.7

Hành vi tôn giáo khi chuẩn bị lấy vợ/ lấy chồng (%)

Hành vi	Gia đình tôn giáo truyền thống	Gia đình tôn giáo
Xem tuổi	59.9	11.5
Xem ngày giờ	65.1	11.9
Hỏi ý kiến chức sắc tôn giáo	27.3	16.2
Làm lễ tại nhà/ cơ sở tôn giáo	24.5	41.3
Không thực hiện	19.2	44.5

Hành vi tôn giáo khi chuẩn bị chuyển nhà/ cơ quan/ công việc (%)

Hành vi	Gia đình tôn giáo truyền thống	Gia đình tôn giáo
Xem tuổi	14.8	2.3
Xem ngày giờ	18.0	2.5
Hỏi ý kiến chức sắc tôn giáo	10.0	3.8
Làm lễ tại nhà/cơ sở tôn giáo	13.9	11.4
Không thực hiện	64.3	81.1

Các bảng tham chiếu trên cho thấy: Việc chuyển nhà, chuyển cơ quan, công việc được các gia đình hoạt động đơn tôn giáo và đa tôn giáo kết nối với yếu tố tôn giáo thấp nhất, tiếp đến là việc chuẩn bị đi làm ăn xa cũng ít liên quan đến tôn giáo. Cả hai loại hình gia đình tôn giáo, gia đình “tôn giáo truyền thống” rất quan tâm đến yếu tố tâm linh tôn giáo khi cưới hỏi. Riêng với gia đình tôn giáo có tới 41,3% những người thực hiện hành vi làm lễ tại cơ sở tôn giáo. Điều này cho thấy hôn nhân các gia đình tôn giáo có liên hệ mật thiết với không gian sinh hoạt tôn giáo chung. Thông thường các gia đình đạo Tin Lành, Islam giáo rất ít khi xảy ra hôn nhân khác đạo, đó cũng là lý do mà cơ sở tôn giáo là một nơi rất cần thiết trong các nghi thức trong hôn lễ của họ. Việc chọn lựa đến làm lễ tại các cơ sở tôn giáo cũng là ưu tiên thứ 3 so với xem tuổi và xem ngày giờ được các gia đình “tôn giáo truyền thống” thực hiện. Điều này cho thấy họ có thể đồng thời thực hiện nhiều hành vi liên quan đến tâm linh, tôn giáo để mong có một sự tốt đẹp hơn trong các công việc trần thế.

Xét về việc thực hành thuần túy tôn giáo, rõ ràng gia đình tôn giáo có mức chi phí về thời gian nhiều hơn bởi các sinh hoạt của họ đều được đặt thành lịch đều đặn theo chu kỳ hàng ngày cho đến hàng tháng. Ngược lại, các gia đình “tôn giáo truyền thống” có tính chất thất thường, trừ các lịch cố định như ngày giỗ, Tết, ngày hội làng, tổ họ, tổ nghề... Tuy nhiên, cũng có nhiều trường hợp rất tốn kém như mở phủ, xem bói... Xét về hoạt động tôn giáo hướng đích xã hội, các gia đình tôn giáo có tính chất rõ ràng hơn bởi đó chính là việc được giáo hội của họ luôn khuyến khích đề rao giảng chân lý của tôn giáo mà họ tin theo, đồng thời cũng là một cách để cho tôn giáo của họ hiện diện một cách sinh động trong đời thực bằng những hành động thực xuất phát từ giá trị của tôn giáo của họ.

Kết luận

Với các gia đình tôn giáo, thực hành nghi lễ tại không gian cư trú ngoài việc biểu lộ niềm tin của mỗi cá nhân còn mang hàm ý giáo dục tôn giáo cho các thế hệ, nó có tính chất tự nguyện nhiều hơn bắt buộc. Hình thức thực hành này được duy trì từ trong truyền thống đến nay và được xem như là một cách biểu lộ niềm tin cũng như giữ đạo của

không ít gia đình tôn giáo trong nhiều năm qua, nó thích hợp trong một xã hội thuần nông, ít giao lưu hội nhập. Tuy nhiên, trong bối cảnh đa dạng tôn giáo, văn hóa và các giá trị, có thể hình thức này sẽ bị mai một khi mà con người có quá nhiều việc trần thế phải lo toan và giới trẻ bị cám dỗ mạnh mẽ bởi các giá trị thế tục.

Có lẽ cách nhìn nhận hay đánh giá sinh hoạt tôn giáo ở các gia đình tôn giáo hiện nay còn đọng lại ở các không gian thờ phượng chung. Đó cũng là nơi cơ bản để diễn ra các nghi lễ tôn giáo quy củ theo nghi lễ riêng của từng tôn giáo. Điều này cho thấy các tôn giáo với các thiết chế quy củ và thống nhất, các cơ sở thờ tự vẫn là các đơn vị tôn giáo có tầm quan trọng ảnh hưởng đến các tín đồ. Chính tại các không gian sinh hoạt chung đó, đã tạo ra một sự quy thuộc các cá nhân vào trong hệ giá trị của từng tôn giáo, tạo ra một sự cố kết giữa các tín đồ, giữa các gia đình, các nhóm người khi họ có chung các hệ nhận thức và các hệ quy tắc ứng xử từ tôn giáo mình.

Với các gia đình “tôn giáo truyền thống”, do tính mở trong thiết chế, lại không thống nhất trong tổ chức và thực hành nghi lễ nên các thực hành tôn giáo của các gia đình này có tính chất kinh nghiệm. Với họ các không gian thực hành bên ngoài địa điểm cư trú không có tính cố định và ràng buộc mà phụ thuộc nhiều vào tính chủ quan của chủ thể đi lễ. Nhìn chung các thực hành tôn giáo của các gia đình này mang tính đa dạng và không chặt như các gia đình quy thuộc chủ yếu vào một niềm tin chung như gia đình Công giáo, Tin Lành, Islam giáo. Bởi vậy, các hoạt động của gia đình “tôn giáo truyền thống” mang tính đa tôn giáo, tức có thể hướng tới nhiều đối tượng thiêng cùng lúc trong một chủ thể và có thể có nhiều Đấng Thiêng được thờ trong cùng một gia đình. Ngược lại, với các gia đình tôn giáo, họ thường gửi gắm niềm tin có tính quy nguyên vào một đối tượng thiêng, hoạt động của họ mang tính đơn tôn giáo hơn là đa tôn giáo. /.

CHÚ THÍCH:

- 1 Báo cáo kết quả khảo sát xã hội học của Đề tài, xem phần trả lời của tôn giáo truyền thống từ câu C9b1-C9b6.
- 2 Báo cáo kết quả khảo sát xã hội học của Đề tài, phần trả lời của các tôn giáo đối với câu C12b1-C12b6.

- 3 Báo cáo kết quả khảo sát xã hội học của Đề tài, phần trả lời của các tôn giáo đối với câu C12c1-C12c6.
- 4 Ý kiến của GS.TS. Đỗ Quang Hưng cho rằng có một sự “tái cấu hình” về nội dung và hình thức của nhiều tổ chức tôn giáo ở Việt Nam.
- 5 Báo cáo kết quả khảo sát xã hội học của Đề tài, phần trả lời của các tôn giáo đối với câu C16a-C16e.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ghi chép của tác giả tại An Giang và Tp. Hồ Chí Minh, tháng 8/2018.
2. Đỗ Quang Hưng (2018), “Biến đổi đời sống tôn giáo - Một yếu tố cần tính đến trong việc hoàn thiện chính sách tôn giáo”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 4, tr. 3-20.
3. Lê Minh Tiến (2010), “Giới trẻ sống đạo”, trong *Giáo hội giữa dòng đời*, Câu lạc bộ Phao Lô Nguyễn Văn Bình, Tp. Hồ Chí Minh.
4. Huyền An Tâm (2015), *Giáo lý Cao Đài căn bản (lưu hành nội bộ)*, soạn theo giáo lý của Hội Thánh Truyền giáo Cao Đài.
5. Viện Nghiên cứu Tôn giáo (2017), “Báo cáo kết quả điều tra xã hội học” của Đề tài *Hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo trong gia đình Việt Nam* do TS. Nguyễn Quốc Tuấn làm chủ nhiệm.

Abstract

PRACTICES OF RELIGIOUS FAMILIES IN VIETNAM

Ngô Quốc Đông

Institute for Religious Studies, VASS

This article is mainly based on data from the sociological survey conducted in 2017 of the research subject “*Belief and religion activities of the Vietnamese family*”. The first part describes the basic activities of believers such as Catholics, Buddhists, Protestants, Caodaists, Muslims, etc. It also indicates some basic characteristics of religious practices in family space. In addition to practicing religion at home, most of the religious activities of these believers religions take place in common religious spaces such as pagodas, churches, sanctums, etc. The second part of the article will clarify this content. The third part shows a comparison to “traditional religion” families. The author analyzes and highlights the characteristics of religious practices of these two types of families.

Keywords: Ritual; practice; religion; family; Vietnam.